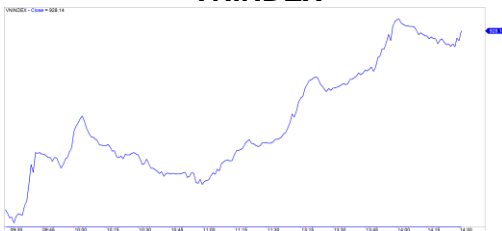


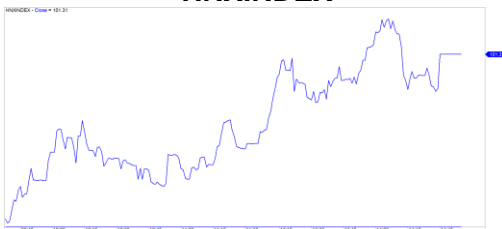
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	928.14	101.31	54.38
% ngày	-0.91%	-1.03%	-1.36%
% tuần	-6.39%	-4.68%	-3.27%
% tháng	-3.83%	-1.05%	-4.01%
% năm	2.14%	-1.96%	-0.78%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,725	637	228
TB 1 tuần	4,461	511	187
TB 1 tháng	3,574	342	222
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	720.30	8.64	30.95
Bán	669.68	21.96	12.62
Giá trị ròng	50.62	-13.32	18.32
Độ rộng TT			
Mã Tăng	55	30	125
Mã Giảm	253	103	150
Không Đổi	81	239	628
Chỉ số chính			
P/E	14.51	8.70	14.73
Vốn hóa TT	3,211	190	891
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	2.52%	4.60%	4.20%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thận trọng từ diễn biến thị trường chứng khoán khu vực và dịch bệnh Corona khiến chỉ số VN-Index tiếp tục lao dốc ngay từ đầu phiên. Chỉ số có lúc thủng qua mốc 900 điểm nhưng lực cầu giá thấp tham gia mạnh tại vùng trên giúp VN-Index chốt phiên tại 928.14 điểm chỉ còn giảm 0.91%. Chỉ số HNX -Index cũng rút ngắn đà giảm còn 1.03% chốt tại 101.31 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục tăng cao đạt hơn 5,100 tỷ đồng.

Tâm lý thị trường đã ổn định hơn đặc biệt là các cổ phiếu bluechip khi VN30-Index có 7 mã tăng và chỉ 20 mã giảm và mức giảm thu hẹp còn 0.7%. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng đóng góp chính vào đà hồi phục của chỉ số nhưng tập trung tại CTG(+3.1%), BID(+3.9%) và đồ thị giá của 2 cổ phiếu đang đi ngang dưới vùng đỉnh cũ gần đây. Ngoài ra, HPG(+1.9%), NVL(+1.6%) cũng có mức hồi phục khá tích cực trong phiên. Ở chiều giảm điểm, CTD(-6.3%), BVH(-5.4%), POW(-4.9%), PLX(-3.8%), SSI(-3.7%) có mức giảm tiêu cực nhất.

Trên sàn HNX, SHB là điểm sáng khi tăng 5.3% đóng cửa tại 7,900 đồng/cp với khối lượng tăng mạnh đạt 2.7 triệu cp.

Khối ngoại có cái nhìn lạc quan về thị trường khi mua ròng hơn 55 tỷ đồng toàn thị trường. VNM(27.7 tỷ), E1VFN30(20.7 tỷ) là các mã dẫn đầu ở chiều mua ròng. Ở chiều ngược lại, VJC(31.6 tỷ), VIC(25.2 tỷ) bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục và kiểm định lại vùng giá 940 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, lực cầu ngắn hạn có dấu hiệu gia tăng ở các vùng giá thấp và nhóm cổ phiếu ngân hàng quay trở lại dẫn dắt thị trường cho thấy thị trường có khả năng sẽ tiếp tục nhịp hồi phục trong vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh dưới mức 20% cho thấy khả năng hình thành đáy ngắn hạn gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 970.66 điểm của chỉ số VN-Index và 103.94 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể hạn chế bán tháo ở vùng giá hiện tại và quan sát thị trường. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng có thể cân nhắc tham gia bắt đáy ở tỷ trọng thấp và ưu tiên cho cổ phiếu có sẵn trong danh mục.

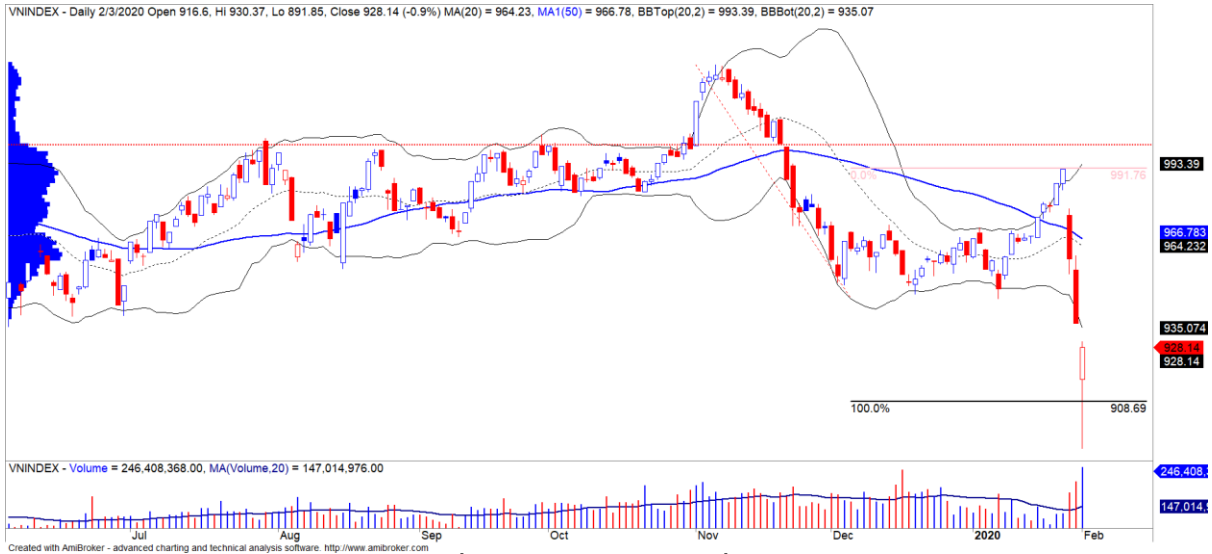
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 17% cổ phiếu/83% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.70	GIẢM	GIẢM		12.57				13.75		
ACB	22.60	GIẢM	TĂNG		24.45			24.00	22.57	-5.83%	
ACV	58.70	GIẢM	GIẢM		68.86				77.50		
ANV	17.95	GIẢM	GIẢM		21.25				24.61		
ASM	5.63	GIẢM	GIẢM		6.50				7.18		
BFC	10.65	GIẢM	GIẢM		12.17				13.05		
BID	53.50	GIẢM	TĂNG		56.10			33.40	49.22	60.18%	
BMP	42.20	GIẢM	GIẢM		45.27				49.34		
BSR	7.40	GIẢM	GIẢM		8.63				8.84		
BVH	55.60	GIẢM	GIẢM		65.68				72.56		
BWE	19.95	GIẢM	GIẢM		22.56				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		9.12				9.80		
CII	24.25	GIẢM	TĂNG		26.17			26.00	22.83	-6.73%	
CMG	29.90	GIẢM	GIẢM		34.66				38.10		
CMX	15.30	TĂNG	GIẢM	12.55	12.71	21.91%			16.17		
CSM	14.30	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	0.00%			14.75		
CTD	52.20	TĂNG	GIẢM	52.70	50.49	-0.95%			61.28		
CTG	25.15	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	22.09%		23.55	22.98	6.79%	
CTR	42.10	GIẢM	N/A		51.53			-	N/A		
CVT	19.60	GIẢM	GIẢM		21.00				22.18		
DCM	5.68	GIẢM	GIẢM		6.10				6.45		
DGC	23.90	GIẢM	GIẢM	25.20	24.42	-3.08%	BÁN		26.93		
DGW	23.20	GIẢM	TĂNG		25.48			25.20	22.71	-7.94%	
DHA	32.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	0.47%			32.52		
DHC	40.00	TĂNG	TĂNG	39.60	39.08	1.01%		37.70	36.02	6.10%	
DHG	102.60	TĂNG	TĂNG	93.00	93.58	10.32%		99.50	94.66	3.12%	MUA
DIG	11.30	GIẢM	GIẢM		13.04				14.46		
DPG	25.95	GIẢM	GIẢM		32.84				38.70		
DPM	11.15	GIẢM	GIẢM		12.68				13.89		
DPR	38.00	GIẢM	TĂNG		41.78			41.30	36.21	-7.99%	
DQC	13.95	GIẢM	GIẢM		15.69				17.13		
DRC	22.90	GIẢM	GIẢM		25.96			21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.85	GIẢM	GIẢM		12.92				14.95		
EIB	17.70	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-0.56%		18.40	16.46	-3.80%	
FCN	9.70	GIẢM	GIẢM		10.13				11.04		



We Create Fortune

FMC	24.80	GIẢM	GIẢM		26.26			31.60	25.00	-20.90%	
FPT	51.50	GIẢM	GIẢM		56.26			46.00	54.99	19.54%	BÁN
GAS	83.20	GIẢM	GIẢM		93.04				101.88		
GEX	19.20	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-6.34%			20.84		
GIL	17.95	GIẢM	GIẢM	17.50	18.20	3.97%	BÁN	18.90	18.75	-0.80%	MUA
GMD	18.95	GIẢM	GIẢM		21.08				23.37		
GTN	16.30	GIẢM	GIẢM		18.76				20.66		
GVR	10.40	GIẢM	N/A		12.16				N/A		
HAG	3.39	GIẢM	GIẢM		4.00				4.22		
HAX	13.60	GIẢM	GIẢM		14.80				17.10		
HBC	10.70	GIẢM	GIẢM		11.50				12.34		
HCM	18.65	GIẢM	GIẢM		21.39				23.40		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM		28.49				29.24		
HDC	19.55	GIẢM	GIẢM		22.76			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.60	GIẢM	GIẢM		29.92				32.97		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		13.95				15.25		
HPG	24.55	GIẢM	TĂNG		26.04			23.85	23.23	2.94%	
HSG	8.23	GIẢM	TĂNG		9.09			7.75	7.52	6.19%	
HT1	13.90	GIẢM	GIẢM		14.96			16.90	13.91	-17.69%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVN	27.00	GIẢM	GIẢM		30.61				35.49		
KBC	14.60	GIẢM	TĂNG		15.70			15.35	14.21	-4.89%	
KDH	24.70	GIẢM	GIẢM		25.95			24.00	24.98	4.06%	
KSB	15.05	GIẢM	GIẢM	16.55	15.44	-6.70%	BÁN		17.89		
LCG	6.35	GIẢM	GIẢM		7.51				8.27		
LDG	6.58	GIẢM	GIẢM		7.91				9.18		
LHG	14.00	GIẢM	GIẢM		15.75				16.89		
LPB	7.20	GIẢM	GIẢM		8.00				8.05		
MBB	20.35	GIẢM	GIẢM		22.13				22.70		
MPC	20.40	GIẢM	TĂNG		23.59			24.10	19.14	-15.35%	
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		53.96				61.61		
MSR	14.60	GIẢM	GIẢM	14.40	14.77	2.57%	BÁN		16.05		
MWG	108.80	GIẢM	GIẢM		117.32				122.49		
NDN	13.90	GIẢM	GIẢM	16.80	15.04	-10.48%	BÁN		17.24		
NKG	7.92	GIẢM	GIẢM		9.49			7.11	8.06	13.41%	
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		28.00			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	18.70	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-5.56%			20.20		
NTL	21.35	GIẢM	TĂNG		23.40			24.20	21.14	-11.78%	
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		

We Create Fortune

OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		8.07				9.30		
PAC	23.50	GIẢM	GIẢM		24.89				27.00		
PC1	15.65	GIẢM	GIẢM		18.40				19.39		
PDR	26.05	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.70%		29.00	25.19	-10.17%	
PHR	34.10	GIẢM	GIẢM		40.67				46.96		
PLX	51.00	GIẢM	GIẢM		56.66				60.01		
PNJ	82.80	GIẢM	GIẢM		90.56			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.99	GIẢM	GIẢM		11.31				12.20		
PVT	13.15	GIẢM	GIẢM		14.78				16.41		
PPC	24.90	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-12.32%	
PTB	70.00	TĂNG	GIẢM	70.00	69.62	0.00%	MUA		72.68		
PVB	16.20	GIẢM	GIẢM		18.12				19.65		
PVD	12.50	GIẢM	GIẢM		14.76				16.51		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		32.38				33.18		
PVS	15.60	GIẢM	GIẢM		18.02				19.30		
PXS	5.60	GIẢM	TĂNG		5.90			6.20	4.92	-9.68%	
QNS	27.00	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	-2.53%			28.87		
REE	33.50	GIẢM	GIẢM		36.44			33.33	35.23	5.70%	BÁN
SAB	208.90	GIẢM	GIẢM		226.46				248.37		
SAM	9.25	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	13.50%		7.40	8.67	25.00%	
SCR	4.99	GIẢM	GIẢM		5.43				5.93		
SHI	8.60	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	23.03%	
SJS	15.75	GIẢM	GIẢM	17.00	16.46	-3.17%	BÁN	17.00	24.08	41.66%	BÁN
SKG	10.90	GIẢM	GIẢM		12.42			12.30	11.66	-5.18%	BÁN
SSI	17.05	GIẢM	GIẢM		18.77				19.73		
STB	10.25	GIẢM	TĂNG		10.89			10.20	9.94	0.49%	MUA
TCB	21.45	GIẢM	GIẢM		23.35				24.80		
TCM	20.00	GIẢM	TĂNG		23.18			20.65	18.42	-3.15%	MUA
TDH	9.38	GIẢM	GIẢM		10.56				11.10		
TLH	3.50	GIẢM	TĂNG		4.03			4.48	3.49	-21.88%	
TNG	14.60	GIẢM	TĂNG	15.10	15.39	1.93%	BÁN	15.50	13.78	-5.81%	MUA
VCB	88.70	GIẢM	TĂNG		93.19			62.00	86.74	43.06%	
VCG	25.30	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-1.94%		19.20	25.28	31.77%	
VCS	64.50	GIẢM	GIẢM		70.01				79.65		
VGC	17.30	GIẢM	GIẢM	18.40	17.72	-3.67%	BÁN		18.86		
VGT	8.00	GIẢM	GIẢM	8.90	8.25	-7.35%	BÁN		8.95		
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		38.85				41.92		
VHM	85.20	GIẢM	GIẢM	86.30	85.23	-1.24%	BÁN		91.72		
VIB	17.10	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-3.93%		17.70	16.56	-3.39%	



We Create Fortune

VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.50%	
VIP	4.90	GIẢM	GIẢM	5.10	4.98	-2.26%	BÁN		5.28		
VJC	125.50	GIẢM	GIẢM		139.53			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VND	14.00	GIẢM	TĂNG	14.10	14.21	0.80%	BÁN	14.70	13.53	-4.76%	MUA
VNG	19.45	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VNM	108.30	GIẢM	GIẢM		117.20				126.07		
VPB	22.60	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	13.00%		21.90	20.51	3.20%	
VPI	42.05	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.94%		41.30	40.54	1.82%	
VRC	6.14	GIẢM	GIẢM		7.71				10.69		
VRE	30.20	GIẢM	GIẢM		32.37			35.05	32.08	-8.48%	BÁN
VSC	25.35	GIẢM	TĂNG		27.24			27.00	24.46	-6.11%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.60	GIẢM	TĂNG		24.45			24.00	22.57	-5.83%	
BID	53.50	GIẢM	TĂNG		56.10			33.40	49.22	60.18%	
BSR	7.40	GIẢM	GIẢM		8.63				8.84		
BVH	55.60	GIẢM	GIẢM		65.68				72.56		
CTG	25.15	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	22.09%		23.55	22.98	6.79%	
FPT	51.50	GIẢM	GIẢM		56.26			40.23	54.99	36.70%	BÁN
GAS	83.20	GIẢM	GIẢM		93.04				101.88		
GEX	19.20	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-6.34%			20.84		
GVR	10.40	GIẢM	N/A		12.16				N/A		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM		28.49				29.24		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		13.95				15.25		
HPG	24.55	GIẢM	TĂNG		26.04			23.85	23.23	2.94%	
HVN	27.00	GIẢM	GIẢM		30.61				35.49		
KDH	24.70	GIẢM	GIẢM		25.95			24.00	24.98	4.06%	
MBB	20.35	GIẢM	GIẢM		22.13				22.70		
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		53.96				61.61		
MWG	108.80	GIẢM	GIẢM		117.32				122.49		
NVL	56.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		8.07				9.30		
PLX	51.00	GIẢM	GIẢM		56.66				60.01		
PNJ	82.80	GIẢM	GIẢM		90.56			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.99	GIẢM	GIẢM		11.31				12.20		

We Create Fortune

QNS	27.00	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	-2.53%			28.87		
REE	33.50	GIẢM	GIẢM		36.44			33.33	35.23	5.70%	BÁN
ROS	8.68	GIẢM	GIẢM		11.40				13.87		
SBT	18.00	GIẢM	TĂNG	18.60	18.16	-2.38%	BÁN	17.50	17.46	2.86%	
SSI	17.05	GIẢM	GIẢM		18.77				19.73		
STB	10.25	GIẢM	TĂNG		10.89			10.20	9.94	0.49%	MUA
TCB	21.45	GIẢM	GIẢM		23.35				24.80		
TPB	20.75	GIẢM	GIẢM		21.85				23.94		
VCB	88.70	GIẢM	TĂNG		93.19			62.00	86.74	43.06%	
VCG	25.30	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-1.94%		18.44	25.28	37.19%	
VCS	64.50	GIẢM	GIẢM		70.01				79.65		
VEA	43.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-5.49%			59.45		
VGI	23.60	GIẢM	N/A	25.80	24.39	-5.46%	BÁN		N/A		
VHM	85.20	GIẢM	GIẢM	86.30	85.23	-1.24%	BÁN		91.72		
VIB	17.10	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-3.93%		15.00	16.56	13.97%	
VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.50%	
VJC	125.50	GIẢM	GIẢM		139.53			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VNM	108.30	GIẢM	GIẢM		117.20				126.07		
VPB	22.60	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	13.00%		21.90	20.51	3.20%	
VRE	30.20	GIẢM	GIẢM		32.37			35.05	32.08	-8.48%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.70	GIẢM	GIẢM		12.57				13.75		
ANV	17.95	GIẢM	GIẢM		21.25				24.61		
ASM	5.63	GIẢM	GIẢM		6.50				7.18		
BMI	24.85	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	-3.12%		26.70	23.99	-6.93%	
BMP	42.20	GIẢM	GIẢM		45.27				49.34		
BWE	19.95	GIẢM	GIẢM		22.56				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		9.12				9.80		
CII	24.25	GIẢM	TĂNG		26.17			26.00	22.83	-6.73%	
CRE	23.40	GIẢM	GIẢM		24.46			25.00	23.65	-5.42%	BÁN
CTI	21.00	GIẢM	GIẢM	21.80	21.07	-3.37%	BÁN		23.07		
CTR	42.10	GIẢM	TĂNG		51.53			43.70	40.69	-3.66%	MUA
D2D	51.70	GIẢM	GIẢM		62.12				77.80		
DBD	57.00	TĂNG	GIẢM	58.00	54.09	-1.72%			60.29		

We Create Fortune

DCM	5.68	GIẢM	GIẢM		6.10			6.45		
DGW	23.20	GIẢM	TĂNG		25.48		25.20	22.71	-7.94%	
DHC	40.00	TĂNG	TĂNG	39.60	39.08	1.01%	37.70	36.02	6.10%	
DIG	11.30	GIẢM	GIẢM		13.04			14.46		
DPG	25.95	GIẢM	GIẢM		32.84			38.70		
DPM	11.15	GIẢM	GIẢM		12.68			13.89		
DRC	22.90	GIẢM	GIẢM		25.96		21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.85	GIẢM	GIẢM		12.92			14.95		
E1VFN30	13.97	GIẢM	GIẢM		15.16			15.42		
FCN	9.70	GIẢM	GIẢM		10.13			11.04		
FLC	3.80	GIẢM	GIẢM		4.47		4.63	4.02	-13.27%	BÁN
GEG	25.05	GIẢM	GIẢM		26.03			27.32		
GMD	18.95	GIẢM	GIẢM		21.08			23.37		
GTN	16.30	GIẢM	GIẢM		18.76			20.66		
HAG	3.39	GIẢM	GIẢM		4.00			4.22		
HBC	10.70	GIẢM	GIẢM		11.50			12.34		
HCM	18.65	GIẢM	GIẢM		21.39			23.40		
HDC	19.55	GIẢM	GIẢM		22.76		15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.60	GIẢM	GIẢM		29.92			32.97		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-4.00%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.23	GIẢM	TĂNG		9.09		7.75	7.52	6.19%	
HT1	13.90	GIẢM	GIẢM		14.96		16.90	13.91	-17.69%	
HTM	16.20	GIẢM	TĂNG		20.35		20.00	15.34	-19.00%	
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.58			21.22		
IDI	4.21	GIẢM	GIẢM		4.91			5.52		
IJC	13.50	GIẢM	GIẢM		14.75		13.10	14.05	7.27%	BÁN
ITA	2.23	GIẢM	GIẢM		2.59			2.92		
KBC	14.60	GIẢM	TĂNG		15.70		14.85	14.21	-1.66%	
KDC	18.60	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-4.62%	20.82	18.08	-10.64%	
KOS	30.50	TĂNG	TĂNG	26.80	28.08	13.81%	26.30	26.05	15.97%	
KSB	15.05	GIẢM	GIẢM	16.55	15.44	-6.70%	BÁN	17.89		
LDG	6.58	GIẢM	GIẢM		7.91			9.18		
LPB	7.20	GIẢM	GIẢM		8.00			8.05		
MBG	13.80	GIẢM	GIẢM		17.37			27.83		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		15.01			15.75		
MPC	20.40	GIẢM	TĂNG		23.59		24.10	19.14	-15.35%	
NBB	19.95	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02		
NKG	7.92	GIẢM	GIẢM		9.49		7.11	8.06	13.41%	



We Create Fortune

NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		28.00			26.28	26.30	0.06%	
NT2	18.70	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-5.56%			20.20		
NTL	21.35	GIẢM	TĂNG		23.40			24.20	21.14	-11.78%	
NVB	9.00	GIẢM	TĂNG		9.63			8.50	8.62	5.88%	
OGC	3.46	GIẢM	GIẢM		3.65				3.92		
PC1	15.65	GIẢM	GIẢM		18.40				19.39		
PDR	26.05	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.70%		23.59	25.19	10.40%	
PHR	34.10	GIẢM	GIẢM		40.67				46.96		
PPC	24.90	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-12.32%	
PTB	70.00	TĂNG	GIẢM	70.00	69.62	0.00%	MUA		72.68		
PVD	12.50	GIẢM	GIẢM		14.76				16.51		
PVI	30.90	GIẢM	GIẢM		32.38				33.18		
PVS	15.60	GIẢM	GIẢM		18.02				19.30		
PVT	13.15	GIẢM	GIẢM		14.78				16.41		
QCG	3.58	TĂNG	GIẢM	3.89	3.58	-7.97%			4.30		
SCR	4.99	GIẢM	GIẢM		5.43				5.93		
SGP	6.00	GIẢM	GIẢM		7.22				8.49		
SHB	7.90	TĂNG	TĂNG	6.40	7.03	23.44%		7.10	6.52	11.27%	
SHS	6.80	GIẢM	GIẢM		7.58			8.40	7.36	-12.38%	BÁN
SZC	14.00	GIẢM	GIẢM		16.45				18.63		
TCH	40.90	TĂNG	TĂNG	30.05	39.47	36.11%		26.15	35.93	56.41%	
TCM	20.00	GIẢM	TĂNG		23.18			20.65	18.42	-3.15%	MUA
TDH	9.38	GIẢM	GIẢM		10.56				11.10		
TNG	14.60	GIẢM	TĂNG	15.10	15.39	1.93%	BÁN	15.50	13.78	-5.81%	MUA
TTB	3.45	GIẢM	GIẢM		4.17				6.34		
VGC	17.30	GIẢM	GIẢM	18.40	17.72	-3.67%	BÁN		18.86		
VGT	8.00	GIẢM	GIẢM	8.90	8.25	-7.35%	BÁN		8.95		
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		38.85				41.92		
VND	14.00	GIẢM	TĂNG	14.10	14.21	0.80%	BÁN	14.70	13.53	-4.76%	MUA
VNG	19.45	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VPI	42.05	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.94%		41.30	40.54	1.82%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.60	GIẢM	TĂNG		8.75			9.00	7.48	-15.56%	
AGR	3.30	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.33%			3.87		
AMD	1.65	GIẢM	GIẢM		2.02				2.33		
APG	10.00	GIẢM	TĂNG	8.76	10.28	17.30%	BÁN	9.90	8.88	1.01%	
ART	2.20	GIẢM	TĂNG		2.63			2.30	2.12	-4.35%	
BCG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.75				7.40		
C4G	5.80	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.30	GIẢM	GIẢM		6.59				11.07		
CCL	6.15	GIẢM	GIẢM		7.31			7.88	6.27	-20.46%	
CVT	19.60	GIẢM	GIẢM		21.00				22.18		
DAH	8.15	GIẢM	GIẢM		9.40				10.73		
DLG	1.60	GIẢM	GIẢM		2.08				2.39		
DRH	3.35	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	-7.71%			4.24		
DTD	9.20	GIẢM	GIẢM		10.57				12.23		
EVG	2.49	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.05	GIẢM	GIẢM		9.64				10.68		
FTM	1.65	GIẢM	GIẢM		1.97				3.26		
FUES SV50	12.25	GIẢM	GIẢM		12.75				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	3.33%		14.90	14.67	4.03%	
HAH	10.30	GIẢM	GIẢM		11.50				12.82		
HAI	2.42	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.06	GIẢM	GIẢM		3.46				4.15		
HDA	8.90	GIẢM	GIẢM		9.82				10.48		
HHP	12.30	TĂNG	GIẢM	12.20	12.22	0.82%			13.13		
HHS	3.68	TĂNG	TĂNG	3.40	3.54	8.24%		3.36	2.97	9.52%	
HID	2.34	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-0.85%		2.63	2.16	-11.03%	
HII	9.24	GIẢM	GIẢM	9.75	9.52	-2.39%	BÁN		10.51		
HQC	0.99	GIẢM	GIẢM		1.11				1.21		
HSL	7.70	TĂNG	GIẢM	8.00	7.64	-3.75%			8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVG	8.00	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	2.30%		3.90	6.94	105.13%	
HVH	11.60	GIẢM	GIẢM		14.01				16.61		
IDJ	7.90	TĂNG	TĂNG	6.90	7.87	14.49%		7.20	6.50	9.72%	
JVC	3.71	TĂNG	GIẢM	3.47	3.15	6.92%			3.79		



We Create Fortune

KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.70			1.50	1.33	-11.25%	
LCG	6.35	GIẢM	GIẢM		7.51				8.27		
LGL	7.00	GIẢM	GIẢM		8.11				8.67		
LHG	14.00	GIẢM	GIẢM		15.75				16.89		
LMH	2.36	GIẢM	GIẢM		3.23				5.76		
MST	5.00	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.34	47.06%	
NDN	13.90	GIẢM	GIẢM	16.80	15.04	-10.48%	BÁN		17.24		
PHC	10.50	GIẢM	GIẢM		11.23				11.99		
PLP	9.35	GIẢM	GIẢM		9.99				10.90		
PVB	16.20	GIẢM	GIẢM		18.12				19.65		
PVC	5.90	GIẢM	GIẢM		6.69				7.26		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.27				1.45		
PXL	7.40	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-8.64%		6.70	6.66	10.45%	
SHI	8.60	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	49.17%	
SJF	1.76	TĂNG	GIẢM	1.77	1.69	-0.56%			2.06		
SPP	1.50	GIẢM	GIẢM		1.85				2.33		
TDC	7.98	GIẢM	GIẢM	8.75	8.27	-5.50%	BÁN		9.04		
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		6.74			3.20	5.54	78.13%	
TLH	3.50	GIẢM	TĂNG		4.03			4.48	3.49	-21.88%	
TNA	18.40	GIẢM	GIẢM		20.19				22.82		
TNI	9.98	GIẢM	GIẢM		10.48			10.90	9.99	-8.38%	
TSC	2.03	GIẢM	GIẢM		2.60				3.23		
TTF	2.33	GIẢM	GIẢM		2.76				2.97		
TTH	2.50	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-7.41%			2.89		
TVC	20.10	GIẢM	TĂNG		21.41			14.30	18.60	40.56%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.24			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	7.80	GIẢM	GIẢM		9.86				12.75		
VNA	2.70	GIẢM	GIẢM		3.13				4.10		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	6.14	GIẢM	GIẢM		7.71				10.69		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	928.14	-0.91%	HNI	101.31	-1.03%	UPCoM	54.38	-1.36%
VN30	842.67	-0.70%	HN30	176.24	-0.96%			
VN Mid	876.59	-2.22%	VNX	808.06	-1.04%			
VN Small	710.51	-2.73%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	720.3		Mua	8.64		Mua	30.95	
Bán	669.68		Bán	21.96		Bán	12.62	
GT ròng	50.62		GT ròng	-13.32		GT ròng	18.32	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GAB	3050	6.90%	DHT	5300	9.91%	TID	2300	14.74%
PTB	3900	5.90%	SHB	400	5.33%	DVN	1700	13.39%
BID	2000	3.88%	TAR	400	1.49%	BOT	300	0.54%
NBB	650	3.37%	PVI	300	0.98%	C4G	0	0.00%
OGC	110	3.28%	TVC	100	0.50%	VIB	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ANV	-1350	-6.99%	L14	-5500	-9.91%	ACV	-6100	-9.41%
DPG	-1950	-6.99%	NDN	-1200	-7.95%	CTR	-3400	-7.47%
TDM	-1650	-6.98%	BCC	-400	-5.97%	HTM	-1300	-7.43%
ROS	-650	-6.97%	NTP	-1800	-5.94%	OIL	-500	-6.67%
AAA	-800	-6.96%	TNG	-900	-5.81%	NTC	-10200	-6.34%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,303		ACB	37,437		ACV	128,913	
VCB	328,977		VCG	11,175		VEA	57,192	
VHM	280,267		VCS	10,320		MCH	45,625	
BID	215,178		SHB	9,505		GVR	40,272	
VNM	188,591		PVS	7,456		BCM	26,297	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	15,302,200	6,790,126	SHB	27,397,994	7,785,453	BSR	3,747,796	2,837,484
MBB	14,421,110	5,713,914	PVS	4,947,354	2,676,078	LPB	2,169,576	644,849
CTG	13,869,450	7,761,658	ACB	4,441,186	2,513,280	VIB	1,299,169	694,583
HPG	12,079,180	7,563,553	PVX	2,553,164	509,072	DVN	978,941	119,259
ROS	9,399,460	5,456,907	ART	2,386,020	1,512,170	GVR	965,930	426,383

Nguồn: Bloomberg & YSVN

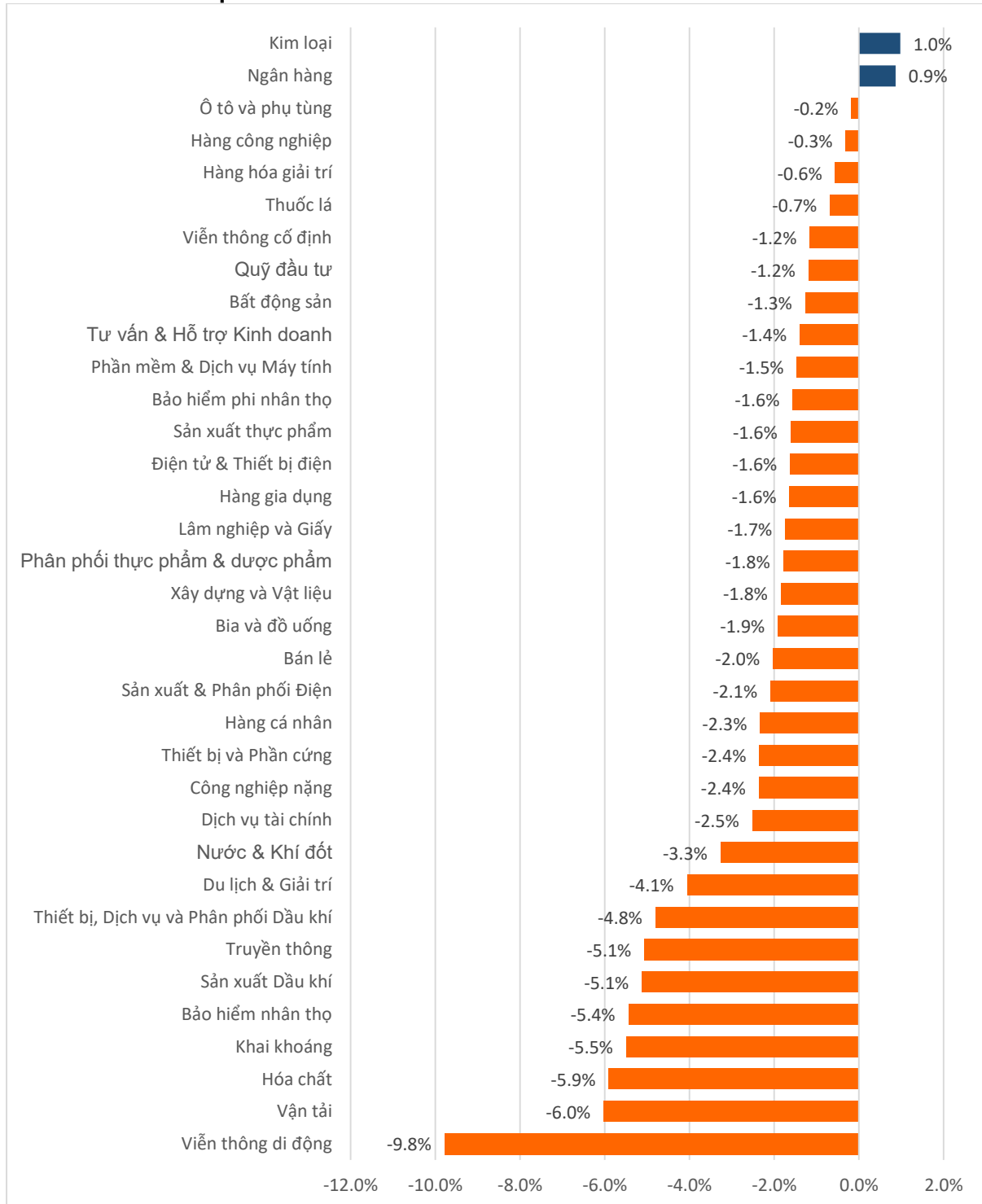
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



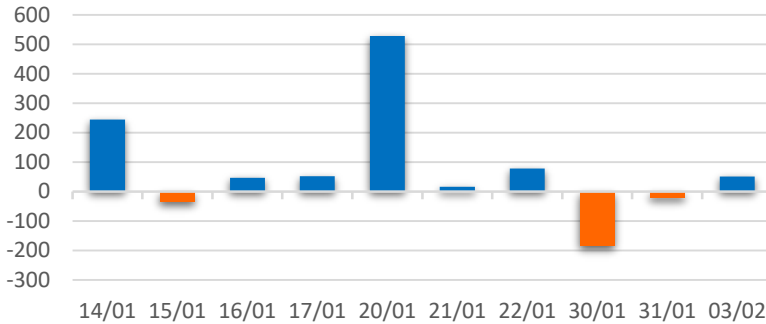
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

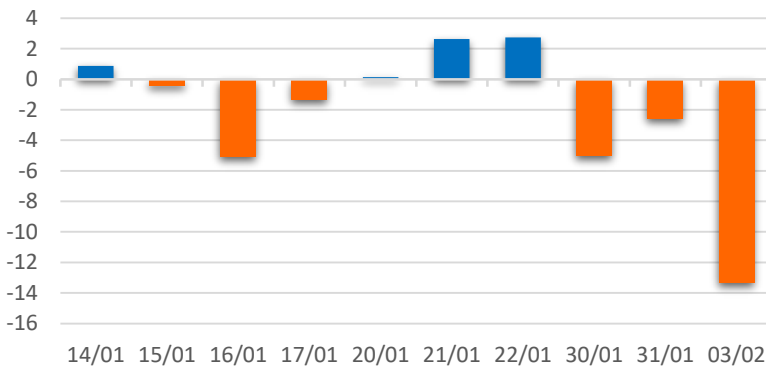
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	27,695	VJC	31,363
E1VFN30	20,769	VIC	25,269
VHM	14,769	PLX	15,330
GAS	14,409	CTG	7,661
HDB	13,247	MSN	7,210

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

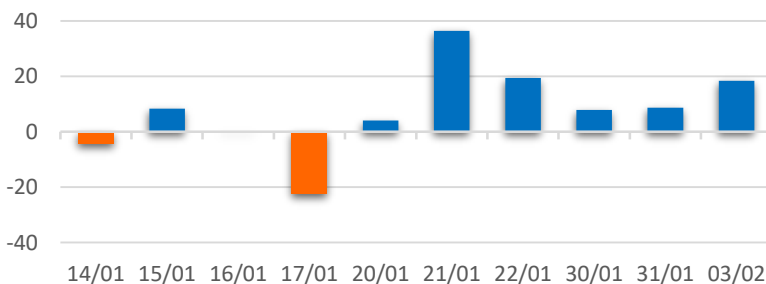
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CEO	1,634	SHB	14,182
TIG	894	PVS	2,176
AMV	873	NTP	1,511
LAS	468	DHT	326
NRC	265	VCS	250

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	9,142	TTD	263
BSR	6,770	ACV	163
QNS	780	BCM	60
CTR	778	LTG	42
EMS	163	BWS	35

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



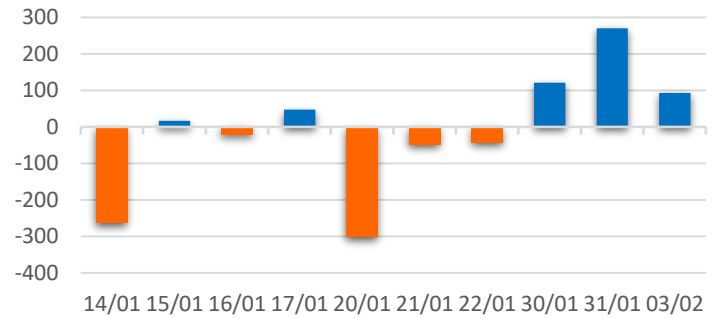
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

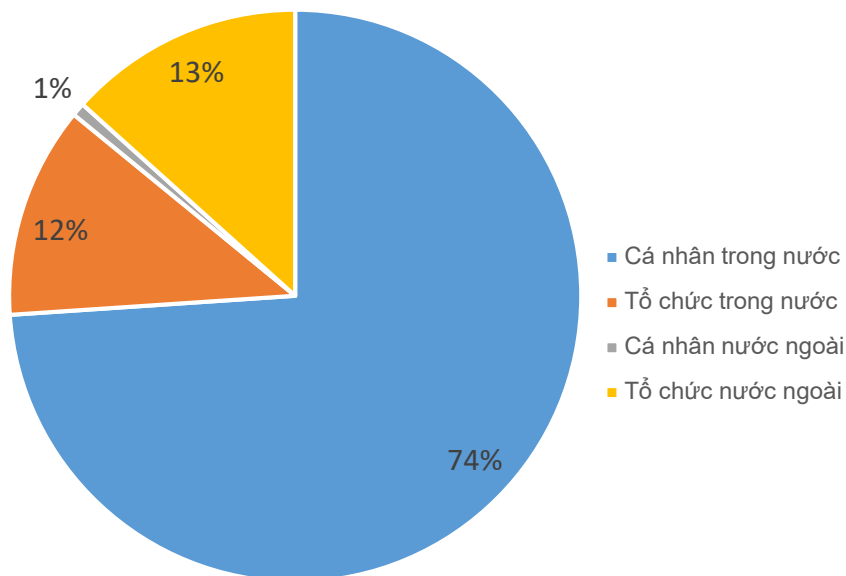
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	45,127	MBB	40,018
MBB	35,428	VNM	26,516
VNM	27,163	E1VFN30	23,885
FPT	25,183	HPG	18,137
VPB	21,487	MWG	16,716

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

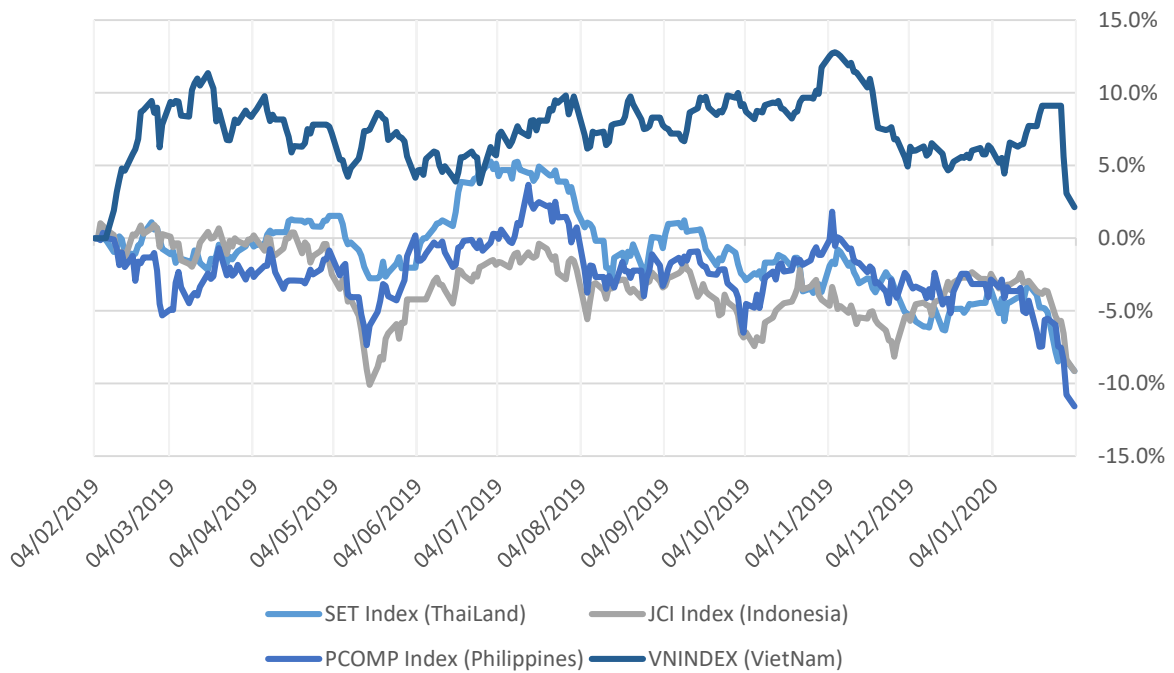


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

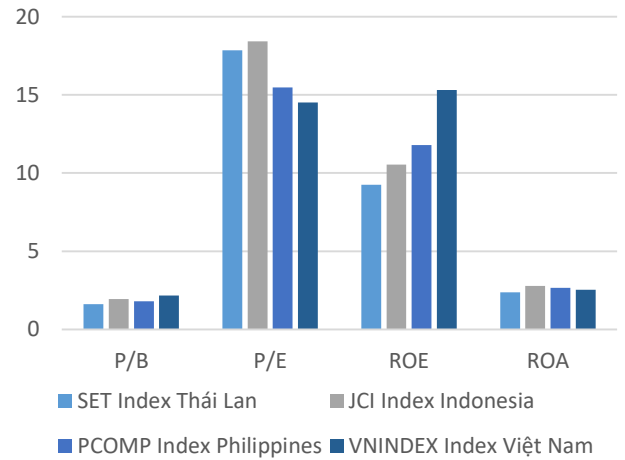
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	1.9x	1.8x	2.2x
P/E		17.8x	18.4x	15.5x	14.5x
ROE	%	9.25	10.55	11.79	15.31
ROA	%	2.37	2.78	2.66	2.54
Vốn hóa	Tỷ USD	515.15	501.54	176.53	137.80
GTGD	Triệu USD	1.58	0.48	0.12	0.17
LS cổ tức	%	3.45	2.58	1.75	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written